

**CÔNG TY TNHH MTV ĐẠI BẢO PHÚC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV ĐẠI BẢO PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MTV DAI BAO PHUC COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MTV DAI BAO PHUC CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108906738

**3. Ngày thành lập:** 19/09/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3 ngõ 53/1 Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7990(Chính) |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4610        |
| 3.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>( Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4791        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Gửi hàng; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay<br>-Dịch vụ tư vấn làm thủ tục xin cung cấp visa | 5229        |
| 5.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: - Khách sạn<br>- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>-Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự                                                                                                                                  | 5510        |
| 6.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310        |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8230        |
| 8.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7911        |
| 9.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7912        |
| 10. | Cổng thông tin<br>( Loại trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng<br>Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.<br>- Các nhà thầu phục vụ bữa ăn trên máy bay             | 5629 |
| 12. | Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành<br>Chi tiết: Khách sạn và du lịch                                                                                                                                                               | 8413 |
| 13. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới, các công việc gia đình khác.... | 5621 |
| 14. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                   | 5610 |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác                                          | 4932 |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Loại trừ hoạt động nhà nước cấm                                                                                                                                                                                                | 7710 |
| 17. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                                                                                                                           | 4922 |
| 18. | Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí<br>Chi tiết: Đóng tàu du lịch và tàu thể thao khác như: Ca nô, xuống caiax (xuồng gỗ nhẹ), xuống chèo, xuống nhỏ.                                                                                                          | 3012 |
| 19. | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương<br>Chi tiết: - Hoạt động của tàu thuyền du lịch hoặc thăm quan.                                                                                                                                                          | 5011 |
| 20. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, Môi giới bất động sản                                                                                                                                                       | 6820 |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                | 4651 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                              | 8299 |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                 | 4652 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659 |
| 25. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                       | 4741 |
| 26. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6201 |
| 27. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6202 |
| 28. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9511 |
| 29. | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học<br>Chi tiết: - Sản xuất camera (quang học, kỹ thuật số);                                                                                                                                                                                                                                                              | 2670 |
| 30. | Hoạt động viễn thông có dây<br>Chi tiết: - Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây.                                                                                                                                                                                                                                         | 6110 |
| 31. | Hoạt động viễn thông không dây                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6120 |
| 32. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3320 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4321 |
| 34. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4690 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: LƯƠNG THỊ KHÁNH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 06/01/1990

Dân tộc: Nùng

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121978731

Ngày cấp: 19/02/2016

Nơi cấp: Công an Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Bản Hạ, Xã Kiên Thành, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Bản Hạ, Xã Kiên Thành, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LƯƠNG THỊ KHÁNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 06/01/1990

Dân tộc: *Nùng*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 121978731

Ngày cấp: 19/02/2016

Nơi cấp: *Công an Bắc Giang*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Bản Hạ , Xã Kiên Thành, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Bản Hạ , Xã Kiên Thành, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội